

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Chương trình giám sát năm 2023¹, Ban Dân tộc của HĐND tỉnh ban hành Quyết định số 03/QĐ-HĐND ngày 02/3/2023 về việc thành lập Đoàn giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*gọi tắt là Chương trình*); theo đó, Đoàn giám sát gửi kế hoạch, thông báo đề cương giám sát đến Ban Dân tộc tỉnh (*cơ quan thường trực Chương trình*); các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh²; UBND các huyện: Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành; UBND 14 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi³ để chuẩn bị nội dung, tài liệu báo cáo⁴. Sau khi nghiên cứu các báo cáo của đối tượng giám sát và tài liệu có liên quan, Đoàn giám sát tổ chức kiểm tra thực tế một số công trình, dự án được đầu tư từ nguồn vốn thuộc Chương trình và làm việc trực tiếp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND 05 huyện miền núi và UBND 08 xã⁵ thuộc 05 huyện miền núi (*đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương còn lại, Đoàn giám sát thực hiện giám sát qua nghiên cứu báo cáo*), Ban Dân tộc của HĐND tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

1. Công tác chỉ đạo thực hiện

a) Đối với cấp tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu

¹ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII.

² Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Tỉnh đoàn; Hội Nông dân tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông.

³ UBND các xã: Sơn Nham, Sơn Thủy, Sơn Cao (huyện Sơn Hà); Sơn Long, Sơn Tân, Sơn Dung (huyện Sơn Tây); Trà Giang, Trà Xinh, Hương Trà (huyện Trà Bồng); Long Mai, Long Hiệp (huyện Minh Long); Ba Vi, Ba Điền, thị trấn Ba Tơ (huyện Ba Tơ).

⁴ Riêng Hội Nông dân tỉnh không gửi báo cáo cho Đoàn giám sát.

⁵ UBND các xã: Sơn Thủy, Sơn Cao (huyện Sơn Hà); Sơn Dung (huyện Sơn Tây); Trà Xinh, Hương Trà (huyện Trà Bồng); Long Mai (huyện Minh Long); Ba Vi, thị trấn Ba Tơ (huyện Ba Tơ).

số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản khác hướng dẫn thực hiện Chương trình của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ban, ngành Trung ương; xác định ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình trong việc phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao đời sống của người dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh (*chi tiết các văn bản có phụ lục 01 kèm theo*).

Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh đã chủ động tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 10 nghị quyết chuyên đề, làm cơ sở triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, nhất là Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Nhìn chung, các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh đã tích cực, chủ động trong công tác tham mưu, triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình; công tác ban hành văn bản cơ bản kịp thời, tuân thủ theo quy định, hướng dẫn của các bộ, ban, ngành chủ quản thực hiện Chương trình; công tác phối hợp trong xây dựng báo cáo, góp ý các dự thảo, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện,... được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

b) Đối với cấp huyện và xã

UBND cấp huyện và cấp xã xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình để chủ động triển khai thực hiện trên địa bàn; công tác báo cáo cơ bản kịp thời, nội dung tương đối đảm bảo.

2. Về tổ chức bộ máy thực hiện Chương trình

a) Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai

đoạn 2021 - 2025 được thành lập theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh (đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban; 02 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh là Phó Trưởng ban; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh là Ủy viên thường trực theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi). Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện, Ban quản lý cấp xã cũng được thành lập để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhằm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương.

- Ở cấp huyện, Phòng Dân tộc (*đối với các huyện miền núi*) hoặc Văn phòng huyện (*đối với các huyện đồng bằng có vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*) là cơ quan thường trực tham mưu, theo dõi thực hiện Chương trình.

- Ở cấp xã, đa số bố trí công chức Tài chính - Kế toán xã kiêm nhiệm việc tổng hợp, theo dõi thực hiện Chương trình trên địa bàn xã; thành lập Ban phát triển thôn theo quy định.

Tổ chức và biên chế theo dõi Chương trình trên địa bàn huyện và xã chủ yếu là kiêm nhiệm nên công tác tham mưu triển khai thực hiện đôi khi còn chưa kịp thời, số liệu báo cáo còn sai sót, gây khó khăn trong công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động tham gia thực hiện Chương trình

UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022 về việc truyền thông thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025. Ngoài ra, cấp ủy, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội các cấp đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, góp phần nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của Chương trình đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, đời sống, thu nhập,... của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

4. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình

Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh trong từng nội dung, lĩnh vực để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình hằng năm và cả giai đoạn.

Trong thời gian qua, Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh và huyện đã tổ chức làm việc với các địa phương theo kế hoạch, qua đó đã đánh giá được tình hình cụ thể trong thực hiện từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của

Chương trình, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; từ đó, đề xuất giải pháp và kiến nghị cụ thể để đảm bảo hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong năm và cả giai đoạn. Định kỳ hàng năm và đột xuất theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn, gửi cấp có thẩm quyền theo quy định.

II. Kết quả thực hiện Chương trình

1. Kết quả nguồn vốn thực hiện Chương trình

1.1. Năm 2022:

- Tổng kế hoạch vốn đã phân bổ thực hiện Chương trình năm 2022 là 378.388 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách Trung ương là 332.493 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 218.108 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 114.385 triệu đồng); vốn ngân sách tỉnh là 37.697 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 23.816 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 13.881 triệu đồng); vốn ngân sách huyện đối ứng: huyện Minh Long bố trí vốn đối ứng (nguồn vốn sự nghiệp) là 198 triệu đồng; vốn vay tín dụng là 8.000 triệu đồng (huyện Sơn Hà thực hiện 5.000 triệu đồng và huyện Trà Bồng 3.000 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân các nguồn vốn năm 2022 (tính đến thời điểm 31/01/2023) là 173.355 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách Trung ương là 160.708 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 123.371 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 37.337 triệu đồng), đạt tỷ lệ 46,40%; vốn ngân sách tỉnh là 12.647 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 11.871 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 776 triệu đồng), đạt tỷ lệ 33,55%; vốn ngân sách huyện là 20 triệu đồng, đạt tỷ lệ 10,1%; vốn tín dụng là 3.635 triệu đồng, đạt tỷ lệ 45,43%.

1.2. Năm 2023:

- Tổng kế hoạch vốn dự kiến thực hiện Chương trình năm 2023 là 753.740 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách Trung ương là 642.289 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 282.724 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 359.565 triệu đồng); vốn ngân sách tỉnh là 68.672 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 28.557 triệu đồng⁶, vốn sự nghiệp là 40.115 triệu đồng); vốn ngân sách huyện đối ứng (tối thiểu 5%) là 27.679 triệu đồng⁷ (gồm: vốn đầu tư là 13.854 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 13.825 triệu đồng); vốn vay tín dụng là 15.100 triệu đồng⁸.

* Kết quả giải ngân các nguồn vốn năm 2023 (tính đến 6 tháng đầu năm 2023) là 62.447 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách Trung ương là 60.896 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 60.737 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 159 triệu đồng), đạt tỷ lệ 9,48%; vốn ngân sách tỉnh là 1.551 triệu đồng (vốn đầu tư), đạt tỷ lệ 2,69% vốn đã phân bổ.

- Nguồn vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 tiếp tục thực hiện là 196.835 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách Trung ương là 171.785 triệu đồng

⁶ Đã phân bổ đợt 1 là 17.438 triệu đồng, còn lại 11.119 triệu đồng dự kiến phân bổ đợt 2 trong năm 2023.

⁷ Kinh phí này là dự kiến phân bổ, tại thời điểm giám sát, các địa phương chưa bố trí vốn đối ứng ngân sách huyện theo quy định.

⁸ Gồm các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long thực hiện cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

(gồm: vốn đầu tư là 94.737 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 77.048 triệu đồng); vốn ngân sách tỉnh là 25.050 triệu đồng (gồm vốn đầu tư là 11.945 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 13.105 triệu đồng).

* Kết quả giải ngân các nguồn vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 (tính đến 6 tháng đầu năm 2023) là 60.804 triệu đồng, đạt tỷ lệ 30,89%, trong đó: vốn ngân sách Trung ương là 60.579 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 57.894 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 2.685 triệu đồng), đạt tỷ lệ 35,26%; vốn ngân sách tỉnh là 225 triệu đồng (vốn sự nghiệp), đạt tỷ lệ 0,9%.

(Chi tiết có phụ lục 02 kèm theo)

Việc phân bổ các nguồn vốn (đầu tư, sự nghiệp) từ ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình trong năm 2022, 2023 trên địa bàn tỉnh cơ bản tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015, Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; theo đó, bố trí các nguồn vốn bảo đảm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức được HĐND tỉnh thông qua; đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

2. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình trong năm 2022⁹

2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Trong năm 2022, chưa có quy định của cấp có thẩm quyền về mức hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất từ nguồn vốn đầu tư công¹⁰, nên các địa phương chưa thực hiện các nội dung này mà tập trung thực hiện đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt (gồm 51 hệ thống nước sinh hoạt tập trung)¹¹. Ngoài ra, từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 213 hộ¹², hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 743 hộ¹³.

Thực hiện cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội, huyện Sơn Hà đã giải ngân là 3.635 triệu đồng, trong đó: cho vay chuyển đổi nghề, với 33 hộ, số tiền 2.195 triệu đồng; cho vay hỗ trợ về nhà ở, với 36 hộ, số tiền 1.440 triệu đồng.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 34.870 triệu đồng/78.574 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư là 31.131 triệu đồng/59.765 triệu đồng (gồm:

⁹ Đối với năm 2023, tại thời điểm giám sát, các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND cấp huyện mới được giao kế hoạch vốn nên chỉ mới xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện.

¹⁰ Ngày 23/02/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

¹¹ Công trình nước sinh hoạt tập trung: Huyện Sơn Tây 10 công trình, huyện Minh Long 04 công trình, huyện Sơn Hà 08 công trình, huyện Trà Bồng 13 công trình, huyện Ba Tơ 08 công trình, huyện Tư Nghĩa 01 công trình, huyện Nghĩa Hành 07 công trình.

¹² Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Huyện Ba Tơ hỗ trợ 213 hộ.

¹³ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho hộ gia đình: Huyện Minh Long hỗ trợ 264 hộ, huyện Ba Tơ hỗ trợ 479 hộ.

ngân sách Trung ương là 28.959 triệu đồng/54.332 triệu đồng, ngân sách tỉnh 2.172 triệu đồng/5.433 triệu đồng), vốn sự nghiệp là 104 triệu đồng/10.776 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 104 triệu đồng/9.796 triệu đồng) và vốn vay tín dụng là 3.635 triệu đồng/8.000 triệu đồng.

* Kết quả giải ngân vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 (tính đến 6 tháng đầu năm 2023) là 17.343 triệu đồng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương.

2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Thực hiện xây dựng 09 dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn các huyện miền núi¹⁴; chưa thực hiện bố trí dân cư do các dự án đang trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư xây dựng.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 8.222 triệu đồng/25.639 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư (gồm: ngân sách Trung ương 7.087 triệu đồng/23.308 triệu đồng; ngân sách tỉnh 1.135 triệu đồng/2.331 triệu đồng).

* Kết quả giải ngân vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 (tính đến 6 tháng đầu năm 2023) là 10.050 triệu đồng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương.

2.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) *Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao thu nhập cho người dân*

Thực hiện khoán bảo vệ rừng cho đối tượng chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh; hỗ trợ bảo vệ rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và UBND các xã thuộc các huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng và Minh Long, với tổng diện tích là 61.166,16 ha (trong đó: hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho đối tượng chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 47.572,16 ha; hỗ trợ bảo vệ rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và UBND các xã là 13.594 ha).

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 25.317 triệu đồng/43.844 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 25.317 triệu đồng/38.125 triệu đồng, ngân sách tỉnh chưa giải ngân).

b) *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

- *Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:*

¹⁴ Huyện Sơn Tây 02 điểm định canh định cư (điểm khu dân cư Ta Gân, thôn Đắk Lang, xã Sơn Dung và điểm định canh định cư thôn Tang Tong, xã Sơn Liên); huyện Minh Long 01 điểm định canh định cư (dự án bố trí ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Làng Trê, xã Long Môn); huyện Sơn Hà 02 điểm định canh định cư tập trung (khu tái định cư Xà Riêng, xã Sơn Nham; dự án xây dựng khu tái định cư Gò Rem, xã Sơn Giang); huyện Trà Bồng 03 điểm định canh định cư tập trung (khu tái định cư tổ 4, thôn 2 (Nóc Ông Đền), xã Trà Giang; khu tái định cư tổ 1, tổ 3 thôn Sơn, xã Sơn Trà; khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây); huyện Ba Tơ 01 khu tái định cư tập trung tại thôn Trà Nô, xã Ba Tô.

Trong năm 2022, do còn những vướng mắc về cơ chế, quy trình chưa được ban hành như: định mức hỗ trợ, quy trình thủ tục thực hiện dự án, cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất...; hơn nữa, hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là nội dung mới, là phương thức hỗ trợ thông qua dự án, kế hoạch liên kết do đơn vị chủ trì liên kết hợp tác với các đối tượng liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ theo chuỗi giá trị, do đó các địa phương chưa tiếp cận với cách thức hỗ trợ mới thông qua chuỗi giá trị, nên còn gặp nhiều lúng túng trong quá trình thực hiện, nên chưa thể triển khai thực hiện trên địa bàn.

Đến thời điểm giám sát, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định và ủy quyền phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch 110/KH-UBND ngày 12/5/2023 thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị của Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm; Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;... nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung này trong năm 2023 và những năm tiếp theo.

- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:

Thực hiện Quyết định số 1353/QĐ-BYT ngày 26/5/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nội dung: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; theo đó, Viện Dược liệu - Bộ Y tế phối hợp với UBND huyện Trà Bồng và UBND các xã: Sơn Trà, Trà Phong, Trà Bùi, Trà Tây, Trà Thanh, Hương Trà tổ chức khảo sát, chọn địa điểm để triển khai thực hiện vùng trồng dược liệu và được thống nhất tại “Báo cáo hỗ trợ nghiên cứu, khảo sát, tư vấn đánh giá và xây dựng phương án phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Trà Bồng”. Tuy nhiên, do vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế¹⁵, do chưa hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý nên đến nay dự án chưa triển khai thực hiện và chưa có kết quả giải ngân¹⁶.

¹⁵ Hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

¹⁶ Ngày 06/6/2023, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư số 12/2023/TT-BYT sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Ban Dân tộc tỉnh tổ chức 01 hội nghị thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Sở Công Thương tổ chức các hoạt động để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ hàng hóa tại các tỉnh Đắk Nông, Quảng Ninh và thành phố Hồ Chí Minh.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát đối với Tiểu dự án 2 là 361 triệu đồng/20.201 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương là 320 triệu đồng/18.298 triệu đồng; ngân sách tỉnh 41 triệu đồng/1.903 triệu đồng); vốn đầu tư chưa giải ngân.

* Kết quả giải ngân vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 (tính đến 6 tháng đầu năm 2023) là 125 triệu đồng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương.

2.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn:

Trong năm 2022, các huyện đã triển khai thi công 120 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trên địa bàn các huyện miền núi; hầu hết đã thi công hoàn thành và một số công trình được bàn giao đưa vào sử dụng¹⁷.

- Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Huyện Sơn Tây thực hiện sửa chữa chợ trung tâm huyện Sơn Tây (xã Sơn Dung); tại thời điểm giám sát, các hạng mục sửa chữa cơ bản đã hoàn thành, chuẩn bị nghiệm thu đưa vào sử dụng.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát đối với Dự án 4 là 78.722 triệu đồng/119.479 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư là 75.943 triệu đồng/113.056 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương 70.341 triệu đồng/102.778 triệu đồng; ngân sách tỉnh 5.602 triệu đồng/10.278 triệu đồng); vốn sự nghiệp 2.779 triệu đồng/6.423 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương 2.537 triệu đồng/5.821 triệu đồng; ngân sách tỉnh 236 triệu đồng/582 triệu đồng; ngân sách huyện 06 triệu đồng/20 triệu đồng).

¹⁷ Huyện Sơn Tây thực hiện đầu tư xây dựng mới 26 công trình (đường giao thông 15 công trình, đập thủy lợi 04 công trình, điện thấp sáng 01 công trình, nhà sinh hoạt cộng đồng 05 công trình, sửa chữa 01 chợ), duy tu bảo dưỡng 05 công trình (nước sinh hoạt 01 công trình, giáo dục 01 công trình); huyện Minh Long đầu tư xây dựng 11 công trình; huyện Sơn Hà đầu tư xây dựng 29 công trình (01 nhà văn hóa thôn, 01 công trình điện, 27 công trình đường giao thông nông thôn); huyện Trà Bồng đầu tư xây dựng 38 công trình; huyện Ba Tơ đầu tư xây dựng 15 công trình (09 trường học, 06 công trình giao thông); huyện Nghĩa Hành đầu tư xây dựng 01 công trình đường giao thông.

* Kết quả giải ngân vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 (tính đến 6 tháng đầu năm 2023) là 23.992 triệu đồng, gồm: 23.356 triệu đồng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương và 636 triệu đồng vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương 609 triệu đồng, ngân sách tỉnh 27 triệu đồng).

2.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) *Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số:*

Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện đã thực hiện xây dựng 17 công trình, dự án (trong đó: *Sở Giáo dục và Đào tạo 04 công trình¹⁸; UBND các huyện 14 công trình¹⁹*); triển khai 05 lớp tập huấn truyền truyền công tác triển khai chương trình xóa mù chữ trên địa bàn 05 huyện miền núi; mua sắm 11 máy tính để bàn và 11 màn hình hiển thị cấp cho 09 trường THPT; mua sắm, cấp phát trang thiết bị cho các trường và tổ chức tập huấn truyền truyền công tác triển khai chương trình xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 18.252 triệu đồng/29.594 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư là 17.787 triệu đồng/27.348 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 15.179 triệu đồng/23.443 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 2.608 triệu đồng/3.905 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 465 triệu đồng/2.245 triệu đồng (gồm: ngân sách trung ương là 404 triệu đồng/2.021 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 61 triệu đồng/223 triệu đồng; ngân sách huyện chưa giải ngân).

* Kết quả giải ngân vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 (tính đến 6 tháng đầu năm 2023) là 7.145 triệu đồng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương.

b) *Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:*

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Tổ chức 13 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 339 học viên thuộc đối tượng 4.

- Nội dung đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học: Chưa thực hiện.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 1.070 triệu đồng/2.781 triệu đồng vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương 1.070 triệu đồng/2.462 triệu

¹⁸ (1) Dự án: Trường THPT Tây Trà, HM: Cải tạo, đổ bê tông, lát gạch sân nền, tạo khuôn viên Nhà thi đấu đa năng; (2) Dự án: Trường THCS - THPT Phạm Kiệt, HM: Cải tạo, nâng cấp tường rào, cổng ngõ; (3) Dự án: Trường THPT Minh Long, HM: Nâng cấp, sửa chữa nhà bán trú. Công trình vệ sinh, nước sạch khu nhà bán trú học sinh; (4) Dự án: Trường THPT Ba Tơ, HM: Sửa chữa, cải tạo dãy phòng học 6 phòng 2 tầng thành nhà thư viện, phòng tổ bộ môn và các hạng mục phụ trợ.

¹⁹ Huyện Sơn Tây đầu tư xây dựng, nâng cấp 05 trường PTDT bán trú TH & THCS các xã: Sơn Long, Sơn Tân, Sơn Mậu, Sơn Dung, Sơn Bua và 01 trường PTDTNT THCS huyện Sơn Tây; huyện Minh Long đầu tư xây dựng 01 công trình trường PTDTBT TH & THCS Long Môn; huyện Sơn Hà đầu tư xây dựng 01 công trình trường PTDTBT tiểu học Sơn Ba và 01 công trình trường PTDTNT THCS Sơn Hà; huyện Trà Bồng đầu tư xây dựng 03 công trình trường: tiểu học số 1 Trà Sơn, PTDTBT THCS Trương Ngọc Khang, PTDTBT THCS Trà Thanh; huyện Ba Tơ đầu tư xây dựng 02 công trình trường: PTDTNT THCS Ba Tơ, PTDTBT TH & THCS Ba Trang.

đồng; ngân sách tỉnh và ngân sách huyện chưa giải ngân).

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Tổ chức 05 phiên giao dịch việc làm với các hình thức đa dạng hóa (cố định, lưu động, trực tuyến) nhằm phổ biến thông tin thị trường lao động cho người lao động, kết nối cung cầu lao động trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; có 11 lao động là người dân tộc thiểu số của huyện Ba Tơ, Trà Bồng tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng²⁰; huyện Sơn Tây mở 04 lớp dạy nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm, với 86 học viên tham gia.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 328 triệu đồng/10.945 triệu đồng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương, chưa giải ngân vốn ngân sách tỉnh.

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp:

Các cơ quan, đơn vị địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 275 triệu đồng/4.083 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 275 triệu đồng/3.625 triệu đồng; ngân sách tỉnh và ngân sách huyện chưa giải ngân).

* Kết quả giải ngân vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 (tính đến 6 tháng đầu năm 2023) là 400 triệu đồng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương.

2.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện điều tra, khảo sát địa điểm thực hiện dự án Đầu tư bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Kor tại huyện Trà Bồng và dự án Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt về địa điểm cuộc khởi nghĩa Ba Tơ; UBND cấp huyện thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo 07 Nhà Văn hóa thôn²¹ và mua sắm trang thiết bị cho các Nhà văn hóa thôn²².

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 2.621 triệu đồng/5.906 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư là 2.159 triệu đồng/4.140 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 1.805 triệu đồng/3.700 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 353 triệu đồng/440 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 462 triệu đồng/1.766 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 353 triệu đồng/1.571 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 109 triệu đồng/190 triệu đồng; ngân sách huyện chưa giải ngân).

²⁰ Huyện Ba Tơ 02 người, huyện Trà Bồng 09 người.

²¹ Huyện Sơn Tây thực hiện nâng cấp, sửa chữa 02 nhà văn hóa thôn: Đăk Be (Sơn Tân) và Mang Rễ (Sơn Lập); huyện Minh Long thực hiện cải tạo nhà văn hóa thôn 03 xã Long Hiệp; huyện Sơn Hà thực hiện sửa chữa 03 nhà văn hóa thôn: Làng Xinh (xã Sơn Linh), Bò Nung (xã Sơn Linh), Gò Ngoài (thôn Làng Rê, xã Sơn Giang).

²² Huyện Trà Bồng thực hiện mua sắm trang thiết bị cho Nhà văn hóa thôn Gò Rô, thôn Trà Bung, xã Trà Phong và Nhà văn hóa thôn Trà Lương, xã Hương Trà (từ nguồn vốn đầu tư); huyện Ba Tơ mua sắm, trang trí thiết bị bên trong nhà văn hóa 13 thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện.

2.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Tổ chức triển khai 01 lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho đối tượng là lãnh đạo Phòng Y tế, Trung tâm Y tế, bộ phận dân số và viên chức làm công tác dân số tại Trạm Y tế 61 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 01 lớp tập huấn cung cấp các kiến thức về nâng cao chất lượng dân số cấp huyện, xã cho 80 viên chức; 03 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 268 cộng tác viên dân số thuộc huyện Sơn Hà và huyện Trà Bồng; tập huấn chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời cho cán bộ y tế từ tuyến huyện đến cộng tác viên/y tế thôn bản, với 13 lớp, 279 người tham dự.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 1.606 triệu đồng/2.624 triệu đồng vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 1.436 triệu đồng/2.368 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 163 triệu đồng/249 triệu đồng; ngân sách huyện là 07 triệu đồng/07 triệu đồng).

2.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh thành lập 30 tổ truyền thông cộng đồng tại 30 thôn/6 huyện; thành lập mới và củng cố, nâng cao chất lượng 06 địa chỉ tin cậy cộng đồng; tổ chức 02 hội nghị hướng dẫn thành lập và vận hành quản lý Tổ truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook; 02 hội nghị tuyên truyền xóa bỏ định kiến giới, khuôn mẫu giới tại cơ sở; 02 hội nghị hướng dẫn đối thoại chính sách và giám sát, đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn; 02 hội nghị cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo Chương trình 2 về phát triển năng lực lồng ghép giới; 12 hội nghị cho cán bộ thôn, người có uy tín trong thôn theo Chương trình 3 về phát triển năng lực lồng ghép giới cho cộng đồng.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các huyện thành lập 04 tổ truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng và truyền thông hướng dẫn xây dựng mạng lưới truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook; tổ chức 05 lớp tập huấn hướng dẫn vận hành quản lý Tổ truyền thông theo Sổ tay hướng dẫn truyền thông; 02 hội nghị tuyên truyền bình đẳng giới, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em, xóa bỏ định kiến giới, khuôn khổ mẫu giới tại cơ sở; 02 lớp tập huấn về nâng cao chất lượng địa chỉ tin cậy cộng đồng; 02 lớp tập huấn hướng dẫn đối thoại chính sách và giám sát, đánh giá việc thực hiện Dự án 8.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 1.507 triệu đồng/6.348 triệu đồng vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 1.470 triệu đồng/5.708 triệu đồng; ngân sách tỉnh 33 triệu đồng/627 triệu đồng; ngân sách huyện là 04 triệu đồng/13 triệu đồng).

* Kết quả giải ngân vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 (tính đến 6 tháng đầu năm 2023) là 1.343 triệu đồng vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 1.148 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 195 triệu đồng).

2.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và

nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và đang tổ chức thực hiện.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 2.020 triệu đồng/10.297 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 1.948 triệu đồng/9.333 triệu đồng, ngân sách tỉnh 72 triệu đồng/933 triệu đồng, ngân sách huyện chưa giải ngân).

b) Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Tổ chức 05 hội nghị phổ biến, tuyên truyền giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên; những tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại một số trường THCS đóng trên địa bàn các huyện miền núi; tổ chức Hội thi tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại Trường THPT trên địa bàn huyện Sơn Hà và huyện Ba Tơ.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 763 triệu đồng/1.543 triệu đồng vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 742 triệu đồng/1.385 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 18 triệu đồng/149 triệu đồng; ngân sách huyện là 03 triệu đồng/09 triệu đồng).

2.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030:

Tiếp tục thực hiện việc cấp báo Quảng Ngãi, báo Dân tộc và Phát triển cho người có uy tín; tổ chức cho người có uy tín đi tham quan học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh. Thăm viếng 14 trường hợp người có uy tín, thân nhân người có uy tín qua đời, thăm 08 gia đình người có uy tín gặp khó khăn; cấp phát 27 đài radio cho người có uy tín được thay thế trong năm 2022; tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 677 triệu đồng/1.775 triệu đồng vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương 622 triệu đồng/1.580 triệu đồng; ngân sách tỉnh 14 triệu đồng/191 triệu đồng; ngân sách huyện là 01 triệu đồng/04 triệu đồng).

* Kết quả giải ngân vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 (tính đến 6 tháng

đầu năm 2023) là 264 triệu đồng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương.

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Trong năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông chưa hướng dẫn thực hiện “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 10; Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nên những nội dung này chưa được thực hiện trên địa bàn tỉnh²³.

Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức 03 hội nghị, hội thảo²⁴, với 183 lượt người tham dự.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 78 triệu đồng/682 triệu đồng vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 64 triệu đồng/605 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 14 triệu đồng/77 triệu đồng; ngân sách huyện chưa giải ngân); vốn đầu tư chưa giải ngân.

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình:

Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh đã tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện và xã (thuộc các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng). Ngoài ra, các sở, ban, ngành tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, như: Sở Tư pháp, Công Thương, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh,... cũng tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình tại các địa phương. UBND các huyện cũng thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện Chương trình tại huyện và UBND các xã trên địa bàn.

* Kết quả giải ngân đến thời điểm giám sát là 323 triệu đồng/836 triệu đồng vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương là 307 triệu đồng/742 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 16 triệu đồng/93 triệu đồng, ngân sách huyện chưa giải ngân).

* Kết quả giải ngân vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 (tính đến 6 tháng đầu năm 2023) là 142 triệu đồng vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 139 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 03 triệu đồng).

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình trong năm 2022

²³ Ngày 30/5/2023, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

²⁴ (1) Hội nghị nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý và thành viên Hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (2) Hội nghị ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ quản lý và thành viên Hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (3) Hội thảo ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển sản xuất cho Hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Ngày 19/8/2022, UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 131/KH-UBND thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022; theo đó, đưa ra 18 chỉ tiêu/ 09 nhóm chỉ tiêu đạt được đến cuối năm 2022.

Theo đánh giá thì kết quả thực hiện đến cuối năm 2022 thì có 04/18 chỉ tiêu đạt và vượt theo kế hoạch (*như: tỷ lệ hộ nghèo giảm 5,37%; xây dựng 43 công trình nước sinh hoạt tập trung; xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức*) và 14/18 chỉ tiêu đang tiếp tục triển khai thực hiện²⁵.

(Chi tiết có phụ lục 03 kèm theo)

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Chương trình nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chủ động, tích cực trong việc tập trung chỉ đạo thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành, hội đoàn thể và địa phương đã tích cực triển khai, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Các cơ quan đã kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa các văn bản của Trung ương để có cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn.

Bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình được thành lập từ cấp tỉnh đến địa phương và thường xuyên được kiện toàn; một số địa phương có sự tham gia, vào cuộc của cấp ủy, hội đoàn thể để lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của Chương trình, vận động người dân tham gia, đồng hành cùng chính quyền địa phương để thực hiện một số dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình.

Đối với một số dự án, tiểu dự án đã có hướng dẫn của Bộ, ban, ngành Trung ương, một số cơ quan, địa phương đã kịp thời tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức tham mưu trực tiếp tại địa phương.

Chương trình đã góp phần tăng cường nguồn lực đầu tư trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Việc giải ngân nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, như: xây dựng hệ thống kênh mương, giếng nước; sửa chữa đường giao thông; nâng cấp nhà văn hóa; sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường có học sinh bán trú,... đã hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng, đã góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng, thay đổi bộ mặt nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Một số dự án, tiểu dự án liên quan đến sản xuất, đời sống vật chất, tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu và miền núi được các cơ quan,

²⁵ Do kế hoạch vốn năm 2022 được chuyển sang giải ngân năm 2023 nên một số nội dung đang được các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

đơn vị, địa phương quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện, từng bước tạo điều kiện cho người dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Công tác khảo sát, đánh giá thực trạng, đăng ký nhu cầu thực hiện các nội dung, kế hoạch vốn từng dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình của các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chặt chẽ, đồng bộ và chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, dẫn đến việc lập báo cáo tiền khả thi chưa sát với nhu cầu thực tế và khi Trung ương phân khai vốn thì còn lúng túng trong việc rà soát đối tượng, nội dung thực hiện.

2.2. Việc nghiên cứu cụ thể từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình của một số địa phương còn hạn chế, chủ quan, nên cho rằng việc thực hiện giống với Chương trình mục tiêu quốc gia đã triển khai trước đây. Vì vậy, khi cách thức triển khai thực hiện của Chương trình này rất đa dạng, nhiều nội dung, trong đó có những nội dung lần đầu triển khai thực hiện đã dẫn đến tình trạng lúng túng, thụ động trong xử lý.

2.3. Công tác tuyên truyền triển khai thực hiện Chương trình còn nhiều hạn chế, chưa sâu rộng đến cán bộ, công chức ở cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; một số địa phương chưa có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, nhiều cán bộ, công chức cấp xã còn chưa nắm được mục đích, ý nghĩa, nội dung và phương thức tổ chức thực hiện Chương trình.

2.4. Việc phân công nhiệm vụ thực hiện từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình còn nhiều bất cập, chưa rõ ràng; một số nội dung phân công chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chưa phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị²⁶.

2.5. Một số sở, ngành, hội đoàn thể tỉnh được giao nhiệm vụ chỉ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình nhưng chưa chủ động xây dựng kế hoạch, hướng dẫn địa phương thực hiện và tổng hợp kết quả thực hiện chung của dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần theo quy định của cấp có thẩm quyền mà chỉ thực hiện đối với phần nhiệm vụ được UBND tỉnh giao vốn cho đơn vị mình. Ngoài ra, chưa phân công rõ nội dung thực hiện giữa sở, ngành, hội đoàn thể tỉnh với địa phương nên dễ dẫn đến sự trùng lặp về nội dung thực hiện, đối tượng thụ hưởng,... trong cùng một dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình.

2.6. Một số địa phương chưa xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình cho cả giai đoạn 2021 - 2025 và từng năm 2022, 2023, cũng như chưa xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, làm cơ sở để triển khai thực hiện, quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả nhằm

²⁶ Các hội, đoàn thể cấp huyện và cấp xã lần đầu tham gia chủ trì thực hiện dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình nên còn nhiều lúng túng, khó khăn, nhất là Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phòng Y tế huyện Sơn Tây có 01 đồng chí nhưng giao chủ trì thực hiện dự án 7; Phòng Dân tộc một số địa phương chỉ có từ 2 - 3 biên chế nên khó khăn trong việc là cơ quan thường trực của Chương trình ở cấp huyện; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội vừa là cơ quan thường trực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ở cấp huyện, vừa chủ trì thực hiện nội dung Tiểu dự án 3, Dự án 5 của Chương trình (đây là dự án được giao vốn tương đối nhiều),...

nâng cao hiệu quả Chương trình trên địa bàn.

2.7. Trung ương chưa chưa thông báo nguồn vốn sự nghiệp cho cả giai đoạn 2021 - 2025 nên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Vốn sự nghiệp được giao cụ thể theo từng tiểu dự án, dự án và lĩnh vực chỉ nên đối với các dự án, tiểu dự án được giao vốn nhiều nhưng khó khăn trong việc thực hiện, do vướng mắc về cơ chế, cũng không thể điều chỉnh chỉ cho các nội dung khác²⁷.

2.8. Hầu hết các địa phương chưa cân đối, bố trí vốn đối ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2.9. Một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình có tỷ lệ giải ngân vốn còn thấp, nhất là nguồn vốn sự nghiệp²⁸ đã ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn và tiến độ thực hiện Chương trình.

2.10. Hầu hết các địa phương còn lúng túng trong việc tổ chức triển khai thực hiện nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn chung chung, quy mô nhỏ; danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng chưa được phê duyệt; chưa thành lập các tổ, nhóm cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

2.11. Đối với việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình:

a) Dự án 1 (*Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt*): tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “*Đối với trường hợp hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực*

²⁷ Công văn số 469/UBND-CTMTQG ngày 31/3/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn nội dung thuộc lĩnh vực chỉ vốn sự nghiệp các dự án, tiểu dự án của Chương trình.

²⁸ Vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 1 (*Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt*); vốn đầu tư thực hiện Dự án 2 (*Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết*); vốn sự nghiệp Tiểu dự án 2, Dự án 3 (*Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*); vốn đầu tư Nội dung số 02, Tiểu dự án 1, Dự án 4 (*Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*); vốn sự nghiệp Tiểu dự án 2, Dự án 5 (*Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*); vốn sự nghiệp Tiểu dự án 3, Dự án 5 (*Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*); vốn sự nghiệp Dự án 7 (*Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em*); vốn sự nghiệp Dự án 8 (*Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em*); vốn sự nghiệp Tiểu dự án 1, Dự án 9 (*Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù*); vốn đầu tư và vốn sự nghiệp Tiểu dự án 2, Dự án 10 (*Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*).

hiện theo cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền quyết định”; tuy nhiên, hiện nay văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế đặc thù đối với các trường hợp này chưa rõ ràng, gây khó khăn cho các địa phương thực hiện việc thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư hỗ trợ đất ở, nhà ở và đất sản xuất.²⁹

b) Tiểu dự án 1, Dự án 3 (*Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao thu nhập cho người dân*):

- Toàn bộ kinh phí sự nghiệp của Tiểu dự án 1, Dự án 3 được giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thực hiện; tuy nhiên, trong quá trình thực hiện và trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, thì một số nội dung thuộc Tiểu dự án này nếu do cấp huyện thực hiện sẽ thuận lợi hơn Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Việc xác định tiêu chí “*Hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực*” để thực hiện nội dung “*Trợ cấp gạo theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT*” còn khó khăn, chưa có hướng dẫn cụ thể, nên không có cơ sở để xác định đối tượng thụ hưởng nội dung trợ cấp gạo.

c) Tiểu dự án 2, Dự án 3 (*Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*):

- *Đối với nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:*

Tại khoản 6 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ quan được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng thực hiện với đơn vị chủ trì liên kết (doanh nghiệp, hợp tác xã); đơn vị chủ trì liên kết dự án có trách nhiệm tổ chức triển khai đầy đủ các điều khoản cam kết trong hợp đồng (*tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế*). Tuy nhiên, trong năm 2022, mẫu hợp đồng chưa được Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể.

- *Đối với nội dung hỗ trợ vùng trồng được liệu quý:* tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và tại điểm d khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: “*Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến được liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án*”³⁰. Tuy nhiên, các dự án này chưa có cơ sở chế biến được liệu quý theo quy định của Chương trình nên không thể thực hiện đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến được liệu quý mà chủ yếu là đầu tư, xây dựng mới cơ sở chế biến được liệu quý.

Tại Điều 11, Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính không quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động

²⁹ Ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, hướng dẫn nội dung này.

³⁰ Tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế điều chỉnh như sau: “**Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng**, cải tạo cơ sở chế biến được liệu quý, xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong phạm vi, quy mô dự án”.

quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý nên các cơ quan quản lý các dự án này không có kinh phí để thực hiện; các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dược liệu giải ngân sau đầu tư, chu kỳ hỗ trợ cho cả giai đoạn nên khó khăn trong việc giải ngân kế hoạch vốn hàng năm.

d) Nội dung số 02, Tiểu dự án 1, Dự án 4 (*Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*):

Theo Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh đề xuất danh mục chợ cần đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; theo đó, đầu tư xây dựng mới 09 chợ, nâng cấp mở rộng 05 chợ.

Theo đề xuất danh mục đầu tư công về xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ của các huyện để làm cơ sở phân bổ vốn Tiểu dự án 1, Dự án 4 giai đoạn 2021 - 2025 có 16 danh mục xây dựng chợ, gồm: 11 danh mục chợ xây dựng mới và 05 danh mục chợ nâng cấp, sửa chữa (*đã được HĐND cấp huyện thông qua*).

Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Công văn số 4292/BCT-TTTN ngày 25/7/2022 của Bộ Công Thương thì tỉnh Quảng Ngãi được phân bổ đầu tư xây dựng mới 01 chợ và nâng cấp, cải tạo 04 chợ, do đó, việc triển khai thực hiện nội dung này vẫn còn khó khăn.

đ) Tiểu dự án 2, Dự án 5 (*Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*):

- Nội dung số 01: *Bồi dưỡng kiến thức dân tộc*:

Ủy ban Dân tộc chưa ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3, đối tượng 4; chưa ban hành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số. Ngày 11/4/2023, Giám đốc Học viện Dân tộc ban hành Quyết định số 52/QĐ-HVDT ban hành sử dụng tạm thời Tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3, đối tượng 4 thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 5 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (Chuyên đề giảng dạy); ngoài ra, ngày 18/4/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

- Nội dung số 02: *Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học*:

Theo khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định đối tượng là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học; tuy nhiên, đối tượng dự bị đại học theo báo cáo của các địa phương không có, nên UBND cấp huyện chưa thực hiện. Mặt khác, nếu có thì cũng rất khó khăn trong việc ký kết hợp đồng đào tạo đại học với các cơ sở đào tạo.

e) Tiểu dự án 3, Dự án 5 (*Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi*): Nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện nội dung đào tạo nghề lớn, trong khi đó, theo báo cáo của các địa phương, số lượng lao động có nhu cầu đào tạo nghề rất thấp và đăng ký nhỏ, lẻ ở các ngành nghề, nên gây khó khăn cho việc hợp đồng với cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp. Mặt khác, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cũng được giao nhiệm vụ này nên có sự trùng lặp về đối tượng thụ hưởng.

g) Tiểu dự án 4, Dự án 5 (*Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp*): Ủy ban Dân tộc chưa ban hành Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp.

h) Dự án 7 (*Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng*):

Đơn vị thực hiện chính nội dung về dinh dưỡng là Trung tâm Y tế các huyện, xong việc bố trí kinh phí tại các huyện chưa thống nhất (có huyện bố trí kinh phí cho Phòng Y tế, có huyện bố trí kinh phí cho Trung tâm Y tế hoặc bố trí kinh phí cho Văn phòng huyện phụ trách,...); kinh phí bố trí không đủ để triển khai thực hiện, do đó dẫn đến sự bị động trong các nội dung triển khai.

i) Tiểu dự án 1, Dự án 9 (*đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù*): Chưa hướng dẫn cụ thể về hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

k) Tiểu dự án 1, Dự án 10 (*Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình*): Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn xây dựng, quản lý, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số và quy trình xây dựng mô hình điển hình tiên tiến.

l) Tiểu dự án 2, Dự án 10 (*Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*): (1) Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nên không thể lập danh mục dự án đầu tư (*đối với nguồn vốn đầu tư công*); (2) Bộ Thông tin và Truyền thông chưa hướng dẫn thực hiện “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” nên chưa thể thực hiện nội dung này.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

a) Nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, bao gồm 10 dự án, 14 tiểu dự án và các nội dung thành phần, Chương trình rất đa dạng về

nội dung, hình thức triển khai thực hiện; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện, văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chưa kịp thời, chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản; do đó, dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

b) Chương trình được thực hiện trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi có xuất phát điểm thấp về phát triển - xã hội; trong những năm qua, mặc dù tình hình kinh tế - xã hội có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn phát triển chậm, phương thức tổ chức sản xuất còn yếu kém, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao, công tác giảm nghèo còn thiếu bền vững; chất lượng nguồn nhân lực thấp, nhất là đội ngũ cán bộ tham mưu, tổ chức thực hiện Chương trình còn nhiều hạn chế về năng lực.

c) Việc giao kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm của Trung ương để đầu tư, thực hiện Chương trình chưa kịp thời dẫn đến việc chậm giao kế hoạch vốn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.

d) Vốn sự nghiệp không được thông báo cho cả giai đoạn 2021 - 2025 mà chỉ thông báo từng năm nên cũng gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình cho cả giai đoạn, nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án có thời gian thực hiện trong nhiều năm.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

a) Ban Chỉ đạo Chương trình, Ban Quản lý Chương trình và người đứng đầu một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, chưa nêu cao vai trò, trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện chương trình; thiếu sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho tổ chức, hội đoàn thể, cán bộ, công chức trong thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần. Công tác tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình chưa thường xuyên và hiệu quả, chưa có những giải pháp cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương.

b) Chương trình có sự tham gia thực hiện của nhiều cơ quan, đơn vị và địa phương, nhưng công tác phối hợp trong xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo chưa được thực hiện tốt, chưa phát huy nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và nhiệm vụ phối hợp trong quản lý theo ngành, lĩnh vực và quản lý địa bàn đối với các dự án, tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc Chương trình.

c) Đội ngũ cán bộ tham mưu thực hiện Chương trình ở một số nơi còn thiếu và hạn chế về năng lực, chưa chủ động tham mưu, đề xuất giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình. Ngoài ra, chưa nắm chắc nội dung các văn bản, quy định về Chương trình nên công tác tham mưu xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện còn chưa kịp thời, hiệu quả.

d) Một số địa phương chưa rõ thẩm quyền phê duyệt danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trung hạn theo quy định tại điểm b

Điều 18 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; chưa lựa chọn danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng trung hạn.

đ) Sở Công Thương chưa tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 (*Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*); Sở Nông nghiệp và PTNT chậm tham mưu thực hiện nội dung trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ (*Tiểu dự án 1, Dự án 3*).

IV. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị UBND tỉnh xem xét, thực hiện và chỉ đạo các sở, ban, ngành, hội đoàn thể, địa phương tham gia thực hiện Chương trình thực hiện các nội dung sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo, rà soát các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình; kiến nghị, đề xuất với Bộ, ban, ngành Trung ương để được hướng dẫn, giải đáp kịp thời, làm cơ sở triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình trên địa bàn và đảm bảo giải ngân hoàn thành kế hoạch vốn được giao.

2. Kịp thời cập nhật, rà soát các quy định, hướng dẫn,... của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ban, ngành Trung ương, báo cáo đề xuất và trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách liên quan để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn.

3. Rà soát các nhiệm vụ phân công cho các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh và các địa phương liên quan³¹ để thực hiện phân công lại nhiệm vụ cho rõ ràng, cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn, khả năng của từng cơ quan, đơn vị và địa phương³², từ đó xác định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn cho phù hợp, nhằm đảm bảo thực hiện kịp thời, hiệu quả.

4. Chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp với các địa phương khẩn trương thực hiện các nội dung: (1) Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ (*Tiểu dự án 1, Dự án 3*); (2) Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*Nội dung số 02, Tiểu dự án 1, Dự án 4*).

5. Đối với công tác tuyên truyền, tập huấn:

³¹ Theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

³² Như: nhiệm vụ Nội dung số 02, Tiểu dự án 2, Dự án 5 (Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học); Tiểu dự án 3, Dự án 5 (Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi); Dự án 6 (Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch);...

a) Chỉ đạo đổi mới, đa dạng hình thức tuyên truyền, vận động thực hiện Chương trình, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của người dân, chuyển từ hỗ trợ trực tiếp sang cùng chung tay triển khai thực hiện.

b) Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình để tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện.

c) Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng công tác tổ chức thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình cho cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu thực hiện, nhất là các nội dung mới lần đầu triển khai thực hiện trên địa bàn, nhằm đạt hiệu quả cao nhất các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

6. Đối với công tác quản lý nhà nước, tổ chức thực hiện của các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh và địa phương:

a) Rà soát, đánh giá lại thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện sản xuất, đời sống của người dân tại địa phương, đề xuất nhu cầu, giải pháp, biện pháp thực hiện sát với nhu cầu thực tế, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn theo kế hoạch. Phát huy nội lực của cộng đồng dân cư và xã hội trong thực hiện hiệu quả Chương trình.

b) Xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, trong đó phân công rõ ràng nội dung, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, đưa ra lộ trình, nguồn lực, thời gian thực hiện,... đảm bảo các nội dung của từng dự án, tiểu dự án đều được triển khai thực hiện, không trùng lặp về đối tượng, để phần đầu đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với Chương trình, quản lý ngành, lĩnh vực, địa bàn và công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tăng cường phối hợp giữa Ban Dân tộc tỉnh (cơ quan thường trực Chương trình) và các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND cấp huyện trong xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình để tổ chức thực hiện chặt chẽ, hiệu quả; kịp thời phát hiện, xử lý và tháo gỡ các hạn chế, vướng mắc để nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình.

d) Chỉ đạo người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, nhất là UBND cấp huyện, cấp xã nêu cao vai trò, trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình trên địa bàn.

đ) Tiếp tục nghiên cứu, có chính sách thu hút phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh phù hợp và thu hút được sự tham gia của người dân trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

7. Đối với nguồn vốn, giải ngân, huy động nguồn lực thực hiện:

a) Đẩy mạnh giải ngân các nguồn vốn được giao trong năm 2022 và năm

2023, nhất là nguồn vốn sự nghiệp, bảo đảm đến cuối năm 2023 giải ngân hoàn thành 100% kế hoạch vốn được giao.

b) Chỉ đạo các địa phương cân đối, bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.

c) Tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, các doanh nghiệp tham gia cùng thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng ưu đãi.

d) Lồng ghép việc thực hiện với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác trên cùng một địa bàn, nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

8. Đối với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát:

a) Đề nghị các cấp ủy địa phương tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Chương trình; tăng cường kiểm tra, giám sát và lãnh đạo, chỉ đạo HĐND, UBND thường xuyên giám sát, thanh tra đối với Chương trình.

b) Định kỳ báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình để đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, kịp thời nhằm thực hiện Chương trình có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Ban Dân tộc của HĐND tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh thuộc đối tượng giám sát;
- TTHU, HĐND, UBND các huyện thuộc đối tượng giám sát;
- VP: C-PCVP, Phòng CT HĐND;
- Lưu: VT, DT.

TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN



Hồ Ngọc Thịnh